

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**  
**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên  ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Công tác xã hội; .....Chuyên ngành: Công tác xã hội

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Trung Hải

2. Ngày tháng năm sinh: 06/08/1979; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Thôn Nội Mai – Xã Yên Viên – Huyện Tiên Lữ - Thành phố Hưng Yên.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 33 Hàng Bún – Nguyễn Trung Trực – Ba Đình – Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Trường đại học Lao động – Xã hội; 43 Trần Duy Hưng – Cầu Giấy – Hà Nội – Việt Nam

Điện thoại nhà riêng: .....; Điện thoại di động: 0985869090.

E-mail: [hainguyentrung1979@gmail.com](mailto:hainguyentrung1979@gmail.com)

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2001 – 2005: Cán bộ phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Trường đại học Lao động - Xã hội.

Từ năm 2005 – 2014: Giảng viên khoa Công tác xã hội, Trường đại học Lao động - Xã hội

Từ 2014 đến nay: Phó trưởng khoa Công tác xã hội, Trường đại học Lao động - Xã hội.

Chức vụ: Hiện nay: Phó trưởng khoa Công tác xã hội; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng khoa Công tác xã hội.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường đại học Lao động – Xã hội

Địa chỉ cơ quan: 43 Trần Duy Hưng – Cầu Giấy – Hà Nội – Việt Nam

Điện thoại cơ quan: 043.5564584

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Tham gia thỉnh giảng một số học phần trong chương trình đào tạo Thạc sĩ Công tác xã hội (CTXH) tại Học viện Thanh thiếu niên; Học viện Phụ nữ...

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): .....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 28 tháng 06 năm 2001, ngành: Xã hội học, chuyên ngành: Xã hội học

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Học viện Báo chí và Tuyên truyền – Việt Nam

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 16 tháng 04 năm 2005, ngành: Công tác xã hội, chuyên ngành: Công tác xã hội

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường đại học Phụ nữ – Philippine.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 25 tháng 02 năm 2013, ngành: Phúc lợi xã hội, chuyên ngành: Phúc lợi xã hội

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường đại học Yonsei – Hàn Quốc.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng .....năm ..... ngành:.....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Học viện Khoa học Xã hội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Tâm lý học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Là giảng viên, tôi nhận thấy việc nghiên cứu khoa học là rất quan trọng để nâng cao năng lực tư duy phản biện cũng như bổ sung thêm các kiến thức thực tiễn nhằm mở rộng và làm phong phú thêm cho bài giảng. Một vài hướng nghiên cứu cơ bản của tôi là:

- Công tác xã hội với các nhóm đối tượng yếu thế
- Công tác xã hội trong Bệnh viện
- Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực CTXH

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 02 NCS bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ ngành CTXH
- Đã hướng dẫn 4 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ngành CTXH
- ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai)
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: Số lượng: 04 cấp Bộ  
Số lượng: 06 cấp Cơ sở.
- Đã công bố 59 bài báo KH, trong đó 07 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín
- Đã được cấp (số lượng): 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích
- Số lượng sách đã xuất bản 06, nhà xuất bản có uy tín trong và ngoài nước.

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở trong 7 năm liên tiếp (2017 – 2023)
- Được nhận bằng khen của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và Bộ Giáo dục Đào tạo.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: .....

Nghiên cứu tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo được quy định tại Điều 70 và Điều 72 Luật Giáo dục tôi thấy bản thân đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo Việt Nam. Cụ thể như sau:

### ***Về tiêu chuẩn nhà giáo:***

a) Ngoài lĩnh vực chuyên môn, tôi cũng luôn trau dồi tư cách đạo đức tốt và đảm bảo có bản lĩnh chính trị vững vàng. Trong các mối quan hệ tại nơi công sở và nơi cư trú, tôi luôn giữ quan hệ hài hoà, đúng mực với đồng nghiệp, học viên và sinh viên. Tại nơi cư trú, tôi cũng luôn sống hoà đồng với mọi người, luôn nêu gương với vai trò là 1 nhà giáo trong các hoạt động tại địa phương. Trong các hoạt động chuyên môn, với vai trò là một giảng viên, tôi luôn thể hiện sự tận tâm với các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Trong suốt thời gian công tác và giảng dạy tại Trường đại học Lao động – Xã hội, tôi không bị bất cứ hình thức kỷ luật nào.

b) Tôi được đào tạo cơ bản, đúng chuyên môn về lĩnh vực giảng dạy. Cụ thể là tôi đã theo học chương trình chính quy và được Học viện Báo chí và Tuyên truyền cấp bằng cử nhân Xã hội học (2002); Đã tham gia học tập trung và được Trường Phụ nữ Philippine cấp bằng thạc sĩ Công tác xã hội (2005); Sau đó tôi đã tham gia học chương trình đào tạo Tiến sĩ Phúc lợi xã hội và được trường đại học Yonsei – Hàn Quốc cấp bằng Tiến sĩ năm 2013.

Ngoài các khoá đào tạo chính quy, trong quá trình công tác và giảng dạy, tôi đã cố gắng trau dồi, nâng cao năng lực chuyên môn cũng như trình độ kiến thức khoa học xã hội thông qua các khoá đào tạo ngắn hạn trong và ngoài nước. Cụ thể là:

Trong lĩnh vực giáo dục

- Chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giảng viên các trường cao đẳng, đại học, năm 2016;
- Chứng chỉ Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính (hạng II) 2017 – Bộ giáo dục và đào tạo;
- Chứng chỉ Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính (hạng I) 2022 – Bộ giáo dục và đào tạo;

- Chứng nhận Hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ Kiểm định viên 2024 – Đại học quốc gia Hà Nội.

Trong lĩnh vực chuyên môn

- Chứng nhận khoá tập huấn Development and Implementation of Social Assistance Policies 2016 – Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;
- Chứng nhận khoá tập huấn Giám sát xã hội: Cách tiếp cận và các công cụ - Tổ chức Quỹ Oxfam vì Nhân dân Châu Á và Thái Bình Dương (AFAP);
- Chứng nhận khoá tập huấn Giảng viên nguồn về kỹ năng CTXH lâm sàng trong chăm sóc SKTT cho trẻ em và Thanh thiếu niên 2016 – Quỹ nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF);
- Chứng nhận khoá tập huấn Life skills training for youth on Drug use prevention 2015 – Colombo Plan;
- Chứng nhận khoá tập huấn Workshop on Family Therapy for Youths with Drug use disorder 2018 – UNODC;
- Chứng nhận khoá tập huấn The training course on soft skills for international conferences and workshops for Molisa officials 2021 – Diplomatic Academy of Vietnam.

Tính đến năm 2024, tôi đã có kinh nghiệm 16 năm nghiên cứu và giảng dạy (không tính thời gian học ở nước ngoài) trong môi trường giáo dục và đào tạo đại học, sau đại học tại Trường đại học Lao động – Xã hội.

Ngoài ra, trong quá trình hợp tác với các cơ sở bên ngoài, tôi còn tham gia giảng dạy tại một số cơ sở như: Học viện phụ nữ; Học viện thanh thiếu niên...

c) Về sức khoẻ theo yêu cầu nghề nghiệp: Có sức khoẻ tốt đáp ứng yêu cầu của một giảng viên, không mắc các bệnh truyền nhiễm.

d) Bản thân có lý lịch rõ ràng

**Về nhiệm vụ:** Tự đánh giá về bản thân, trong nhiều năm qua, tôi đã luôn nỗ lực để thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của một nhà giáo Việt Nam được quy định ở Điều 72 Luật Giáo dục, cụ thể:

+ Luôn đảm bảo việc giảng dạy ở chất lượng cao theo mục tiêu, quan điểm, chương trình đào tạo của Trường Đại học Lao động – Xã hội.

+ Tôi luôn gương mẫu cũng như thực hiện và chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Ngoài ra tôi cũng luôn tuân thủ nội quy, quy chế của Trường Đại học Lao động – Xã hội; Tại nơi sinh sống, tôi cũng luôn thể hiện vai trò gương mẫu đầu tàu của một Đảng viên là giảng viên đại học và được mọi người quý mến;

+ Trong các hoạt động giảng dạy đối với sinh viên và học viên, tôi luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín của một nhà giáo; luôn thể hiện sự công tâm, công bằng trong việc đánh giá với các học viên, sinh viên; đảm bảo và đặt lợi ích, quyền lợi hợp pháp của học viên, sinh viên lên hàng đầu;

+ Tự nhận thức được tính chất công việc là một giảng viên, tôi luôn nỗ lực và không ngừng phấn đấu, rèn luyện, học tập nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để trở thành 1 nhà giáo, 1 nhà nghiên cứu có uy tín trong lĩnh vực chuyên môn;

+ Cá nhân tôi luôn nỗ lực và phối kết hợp với các đồng nghiệp nhằm hoàn thành tốt các nhiệm vụ mà Trường giao phó trong các hoạt động quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học; tham gia biên soạn sách, giáo trình, tài liệu phục vụ cho các hoạt động đào tạo đại học và sau đại học; Tôi còn tham gia vào đánh giá và nhận xét góp ý trong các hội đồng khoa học trong lĩnh vực chuyên môn, hội đồng đánh giá luận văn thạc sỹ, tiến sỹ Công tác xã hội; tham gia hội đồng nghiệm thu các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở và cấp Bộ;

Đã thực hiện 04 đề tài khoa học cấp Bộ (trong đó là chủ nhiệm 02, là thành viên 02), và thực hiện 06 đề tài khoa học cấp Cơ sở (trong đó là chủ nhiệm 02, là thành viên 04), tham gia viết bài báo khoa học đăng trong các tạp chí uy tín thuộc lĩnh vực chuyên môn trong và ngoài nước; Tôi đã giảng dạy chương trình cử nhân CTXH tại Trường đại học Lao động – Xã hội từ năm 2005 và chương trình Thạc sỹ CTXH từ năm 2015. Ngoài ra tôi còn tham gia giảng dạy chương trình cử nhân, cao học chuyên ngành Công tác xã hội tại Học viện phụ nữ; Học viện thanh thiếu niên...; hướng dẫn 04 học viên Thạc sỹ và 02 nghiên cứu sinh Tiến sỹ bảo vệ thành công luận văn, luận án Công tác xã hội.

+ Trong quá trình công tác với vai trò là 1 giảng viên, tôi luôn xây dựng tinh thần đoàn kết, giúp đỡ và hợp tác với các đồng nghiệp.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (\*): Tổng số 16 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

| TT             | Năm học   | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp |     | Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức |
|----------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|---|---|-----|---|
|                |           | Chính                     | Phụ |                                    |   | ĐH  | SDH |   |
| 1              | 2018-2019 | 0                         | 0   | 0                                  | 15                                      | 355                                       | 60  | 415/747,5/300   |
| 2              | 2019-2020 | 0                         | 0   | 1                                  | 10                                      | 212                                       | 120 | 332/686,4/300   |
| 3 năm học cuối |           |                           |     |                                    |   |   |     |   |
| 3              | 2020-2021 | 0                         | 0   | 0                                  | 5                                       | 456                                       | 120 | 576/711,8/300   |
| 4              | 2021-2022 | 0                         | 1   | 1                                  | 0                                       | 472                                       | 180 | 652/799,2/300   |
| 5              | 2022-2023 | 0                         | 3   | 0                                  | 2                                       | 200                                       | 75  | 275/412/300   |
| 6              | 2023-2024 | 0                         | 0   | 0                                  | 0                                       | 171                                       | 45  | 216/339/300   |

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH  ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Học Ths ; Tại nước: Philippine; Từ năm 2003 đến năm 2005

- Học TS ; Tại nước: Hàn Quốc; Từ năm 2018 đến năm 2013

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác  ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): .....

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT | Đối tượng |               | Trách nhiệm hướng dẫn |     | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo       | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|-------------------------------|-----------|---------------|-----------------------|-----|------------------------------------|---------------------|---|
|    |                               | NCS       | HVCH/CK2/BSNT | Chính                 | Phụ |                                    |                     |   |
| 1. | Nguyễn Văn Nga                | X         |               |                       | X   | 2016-2022                          | Học viện KHXH       | 01/11/2022  |
| 2. | Nguyễn Thị Liên               | X         |               |                       | X   | 2019-2023                          | Trường KHXH&NV      | 18/12/2023  |
| 3. | Lê Mậu Quyên                  |           | X             | X                     |     | 2019-2020                          | Trường đại học SPHN | 18/12/2020  |
| 4. | Võ Thị Huyền Trang            |           | X             | X                     |     | 2021-2022                          | Trường đại học SPHN | 5/12/2022   |
| 5. | Đặng Minh Lộc                 |           | X             | X                     |     | 2022-2023                          | Trường đại học LĐXH | 05/04/2023  |
| 6. | Lê Thị Anh                    |           | X             | X                     |     | 2022-2023                          | Trường đại học LĐXH | 27/07/2023  |

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

| TT                        | Tên sách | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Chủ biên | Phần biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|---------------------------|----------|----------------------------|------------------------------|------------|----------|---|--|
| Sau khi bảo vệ luận án TS |          |                            |                              |            |          |   |  |

|    |   |    |  |    |                        |           |                                   |
|----|---|----|--|----|------------------------|-----------|-----------------------------------|
| 1. | Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy  | GT | NXB Lao động Xã hội, 2015 ISBN 978-604-65-2161-7                     | 08 | Chủ biên               | 69 – 174  | Số 756/QĐ-ĐHLĐXH ngày 24/04/2017  |
| 2. | Phát triển cộng đồng  | GT | NXB Dân trí, 2016 ISBN 978-604-88-2940-7                             | 03 | Chủ biên               | 7 – 146   | Số 756/QĐ-ĐHLĐXH ngày 24/04/2017  |
| 3. | Phát triển dịch vụ chăm sóc xã hội cho trẻ mắc bệnh tâm thần  | CK | NXB Dân trí, 2018 ISBN 978-604-88-5828-5                             | 08 | Chủ biên               | 1 – 200   | Số 1023/QĐ-ĐHLĐXH ngày 10/05/2021 |
| 4. | Công tác xã hội với người nghiện ma túy   | GT | NXB Bách Khoa Hà Nội, 2020 ISBN 978-604-9982-87-3                    | 06 | Đồng chủ biên          | 13 – 185  | Số 1023/QĐ-ĐHLĐXH ngày 10/05/2021 |
| 5. | Social Assistance with some Vulnerable Groups in Vietnam.   | TK | NXB Akinik Publications phát hành năm 2020. ISBN: 978-93-90070-10-7. | 01 | Tham gia viết 1 chương | 1 – 10    | Số 1078/QĐ-ĐHLĐXH ngày 06/06/2024 |
| 6. | Assets based Community Development in Vietnam (A successful case study in fighting against Covid-19 Pandemic) | TK | NXB Suvvi Publications phát hành năm 2021. ISBN :978-81-953397-2-3.  | 02 | Tham gia viết 1 chương | 233 – 254 | Số 1078/QĐ-ĐHLĐXH ngày 06/06/2024 |

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS

**Lưu ý:**

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

## 6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

| TT                                    | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)   | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý            | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ |
|---------------------------------------|--|-----------|---------------------------------|---------------------|---|
| <i>Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ</i> |  |           |                                 |                     |   |
| 1                                     | Mối quan hệ giữa Bạo lực gia đình và hành vi trẻ em  | CN        | Cấp cơ sở<br>CT-CTXH<br>09-2011 | 16 tháng            | 15/4/2013 – Khá                                     |
| 2                                     | Phát triển dịch vụ chăm sóc xã hội với trẻ em bị mắc bệnh tâm thần   | CN        | Cấp Bộ<br>CT2017-03-05          | 12 tháng            | 12/02/2018  |
| 3                                     | Dịch vụ CTXH với người tâm thần tại trung tâm nuôi dưỡng và chăm sóc người tâm thần Hà Nội                                       | TV        | Cấp cơ sở<br>CT2018-03-29       | 12 tháng            | 24/01/2019 – Tốt                                    |
| 4                                     | Đánh giá thực trạng hoạt động hỗ trợ tâm lý xã hội đối với người nghiện ma túy trong các cơ sở điều trị nghiện ma túy tại Hà Nội | TV        | Cấp cơ sở<br>CT2018-03-26       | 12 tháng            | 23/04/2019 – Tốt                                    |
| 5                                     | Thực trạng các hoạt động CTXH trong bệnh viện  | CN        | Cấp cơ sở<br>CT2018-03-31       | 12 tháng            | 21/01/2019 – Tốt                                    |
| 6                                     | Phát triển dịch vụ CTXH hỗ trợ trẻ tự kỷ và gia đình   | CN        | Cấp Bộ<br>CT2019-11             | 12 tháng            | 14/08/2020  |



|    |  |    |                           |          |            |
|----|--|----|---------------------------|----------|------------|
| 7  | Phát triển dịch vụ CTXH tại cộng đồng cho người khuyết tật.                                      | TV | Cấp Bộ<br>CB2020-11       | 12 tháng | 31/12/2021 |
| 8  | Hỗ trợ xã hội cho người nghiện ma túy - nghiên cứu trường hợp tại quận Đống Đa, thành phố Hà Nội | TV | Cấp cơ sở<br>CT2022-03-42 | 12 tháng | 20/06/2022 |
| 9  | Dịch vụ CTXH với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tại làng trẻ Birla                                 | TV | Cấp cơ sở<br>CT2022-03-43 | 12 tháng | 14/11/2022 |
| 10 | Nghiên cứu mô hình Công tác xã hội với người chưa thành niên bị sang chấn tâm lý                 | TV | Cấp Bộ<br>CB2023-08       | 12 tháng | 29/12/2023 |

**Lưu ý:**

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

| TT  | Tên bài báo/báo cáo KH   | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                        | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang          | Năm công bố |
|---|--|------------|------------------|--|---|--|-------------------------|-------------|
| Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ (Được cấp bằng TS ngày 25 tháng 02 năm 2013) |  |            |                  |  |   |  |                         |             |
| 1.  | Comparing Violence Against Women's Policy in the USA and VietNam – The Implication for Social Worker | 1          | Tác giả chính    | Vietnam Journal of Family and Gender Studies<br>ISSN 1859-1329         |   |  | Vol 6<br>Page 69 – 79   | 2011        |
| 2.  | Tăng cường năng lực cho cán bộ CTXH góp phần giảm nghèo bền vững                                     | 1          | Tác giả chính    | Tạp chí Lao động và Xã hội<br>Số 443 từ 16-30/11/2012<br>ISN 0866-7643 |   |  | Số 443<br>Trang 56 – 57 | 2012        |

|   |   |   |               |  |                  |    |                                 |      |
|---|---|---|---------------|--|------------------|----|---------------------------------|------|
| 3.  | Vấn đề hôn nhân của người tâm thần tiếp cận dựa trên quyền  | 2 |               | Tạp chí Lao động và Xã hội<br>Số 445 từ 16-31/12/2012<br>ISN 0866-7643   |                  |    | Số 445<br>Trang<br>42 – 43      | 2012 |
| 4.  | Bạo lực gia đình – Mối quan hệ với phong tục gia trưởng tại Việt Nam  | 2 | Tác giả chính | Tạp chí Dân số và phát triển<br>ISSN 0868-3506   |                  |    | Số 5<br>Trang<br>19 – 25        | 2012 |
| 5.  | Những vấn đề của người lao động nước ngoài tại Hàn Quốc   | 1 | Tác giả chính | Tạp chí Dân số và phát triển<br>ISSN 0868-3506   |                  |    | Số 6<br>Trang<br>28 - 32        | 2012 |
| Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ  |   |   |               |  |                  |    |                                 |      |
| 6.  | Phát triển nghề CTXH chuyên nghiệp – Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam  | 2 | Tác giả chính | Hội thảo quốc tế: Công tác xã hội trong qusa trình hội nhập và phát triển của Việt Nam. NXB LĐXH<br>ISBN: 978-604-386-264-5            |                  |    | Trang<br>241 - 256              | 2013 |
| 7.  | Mạng lưới cung cấp dịch vụ công tác xã hội. Thực trạng và kinh nghiệm Quốc tế   | 1 | Tác giả chính | Hội thảo Quốc tế Nâng cao tính chuyên nghiệp công tác xã hội vì phát triển và hội nhập. NXB Đại học Sư phạm<br>ISBN: 978-604-54-8102-8 |                  |    | Trang<br>390 - 398              | 2013 |
| 8.  | Understanding Child Maltreatment in Hanoi - Intimate Partner Violence, Low Self-Control, and Social and Childcare Support | 2 |               | Journal of Interpersonal Violence<br>ISSN: 0886-2605<br>Online ISSN: 1552-6518   | <b>Scopus Q2</b> | 16 | Vol 29 (7)<br>Page: 1228 – 1257 | 2013 |
| <a href="https://journals.sagepub.com/doi/10.1177/0886260513506276">https://journals.sagepub.com/doi/10.1177/0886260513506276</a> |   |   |               |  |                  |    |                                 |      |
| 9.  | Thực trạng về người tâm thần và đội ngũ cán bộ chăm sóc người tâm thần  | 1 | Tác giả chính | Hội thảo Quốc tế Phát triển công tác xã hội với chăm sóc sức khỏe tâm thần ở   |                  |    | Trang<br>86 - 102               | 2015 |

|   |   |   |               |  |                  |    |                                |      |
|---|---|---|---------------|--|------------------|----|--------------------------------|------|
|   |   |   |               | Việt Nam trong bối cảnh hội nhập<br>NXB Hồng Đức<br>ISBN: 978-604-86-6161-8  |                  |    |                                |      |
| 10.   | Giám sát xã hội và kết quả giám sát xã hội tại một số địa phương trong các hoạt động CTXH   | 1 | Tác giả chính | Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế Công tác xã hội Việt Nam, Thách thức tính chuyên nghiệp trước nhu cầu hội nhập và phát triển<br>NXB LDXH<br>ISBN: 978-604-386-264-5 |                  |    | Trang<br>481 - 485             | 2015 |
| 11.   | Neighborhood Informal Social Control and Child Maltreatment: A Comparison of Protective and Punitive Approaches Child Abuse & Neglect | 3 |               | Journal Child Abuse & Neglect<br>ISSN: 0145-2134   | <b>Scopus Q1</b> | 67 | Vol 41(3)<br>Page<br>158 - 169 | 2015 |
| <a href="https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S0145213413001440?via%3Dihub">https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S0145213413001440?via%3Dihub</a> |   |   |               |  |                  |    |                                |      |
| 12.   | Thực trạng Hoạt động hỗ trợ việc làm cho phụ nữ nghèo tại Yên Bái – Tiếp cận theo hướng nâng cao năng lực                             | 3 | Tác giả chính | Hội thảo trong nước Công tác xã hội với Phụ nữ và trẻ em: Kinh nghiệm của một số quốc gia<br>NXB Giáo dục VN<br>ISBN 978-604-0-09664-7                               |                  |    | Trang<br>188 – 196             | 2016 |
| 13.   | Thực trạng các cơ sở chăm sóc người tâm thần tại Việt Nam   | 2 | Tác giả chính | Hội thảo quốc tế Chính sách An sinh xã hội đối với lao động di cư ở Việt Nam<br>NXB ĐH Kinh tế Quốc dân<br>ISBN 978-604-330-767-2                                    |                  |    | Trang<br>424 - 432             | 2017 |

|     |  |   |               |  |  |  |                           |      |
|-----|--|---|---------------|--|--|--|---------------------------|------|
| 14. | Các yếu tố tác động tới dịch vụ chăm sóc trẻ tâm thần  | 1 | Tác giả chính | Tạp chí tâm lý học xã hội<br>ISSN: 0866 -8019  |  |  | Số 2<br>Trang 91 - 100    | 2018 |
| 15. | Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam trong việc cung cấp dịch vụ chăm sóc xã hội với trẻ tâm thần | 2 | Tác giả chính | Tạp chí tâm lý học xã hội<br>ISSN: 0866-8019   |  |  | Số 3,<br>Trang 67 – 82    | 2018 |
| 16. | Thực trạng việc sử dụng dịch vụ xã hội của trẻ tâm thần  | 2 | Tác giả chính | Hội thảo CTXH quốc tế<br>Định hướng phát triển nghề CTXH ở Việt Nam: Vai trò của pháp luật – Đào tạo – Thực tiễn<br>NXB Đại học Huế<br>ISBN: 978-604-912-913-1 |  |  | Trang 233 - 243           | 2018 |
| 17. | Child Maltreatment in Hanoi, Vietnam and its Consequences  | 1 | Tác giả chính | Asian Social work journal<br>ISSN: 0128-1577   |  |  | Vol 3 (2)<br>Page 56 - 65 | 2018 |
| 18. | Thực trạng trẻ tâm thần và các vấn đề của gia đình chăm sóc trẻ  | 1 | Tác giả chính | Kỷ yếu hội thảo – Đại học quốc gia Hà Nội. Phát triển dịch vụ trị liệu trong CTXH ở Việt Nam<br>NXB LD-XH<br>ISBN: 978-604-65-3790-8                           |  |  | Trang 35 - 44             | 2018 |
| 19. | Assessing Need for Training Postgraduate on Social Security in Vietnam                                   | 1 | Tác giả chính | Asian Social work journal<br>e-ISSN 0218-1577  |  |  | Vol 3(1),<br>Page 21 - 27 | 2018 |
| 20. | Nhu cầu đào tạo Công tác xã hội trong bệnh viện  | 1 | Tác giả chính | Tạp chí Khoa học Học viện Phụ nữ Việt Nam<br>ISSN: 2615 - 9007   |  |  | Trang 56 - 66             | 2018 |
| 21. | Development of social work services in Vietnam   | 2 |               | SSRG International Journal of Humanities and Social Science (SSRG-IJHSS)   |  |  | Vol 6(3)<br>Page 10 – 16  | 2019 |

|     |   |   |               |  |  |   |                               |      |
|-----|---|---|---------------|--|--|---|-------------------------------|------|
|     |   |   |               | ISSN 2394-2703   |  |   |                               |      |
| 22. | Problems of patients in hospitals in Vietnam and suggestions for social work activities                     | 1 | Tác giả chính | SSRG International Journal of Humanities and Social Science (SSRG-IJHSS)   |  | 1 | Vol 6(2)<br>Page: 1 - 5       | 2019 |
| 23. | Một số mô hình CTXH trong bệnh viện trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam                       | 1 | Tác giả chính | Tạp chí Khoa học Học viện Phụ nữ Việt Nam<br>ISSN: 2615 - 9007   |  |   | Vol 5(1)<br>Trang<br>37 – 46  | 2019 |
| 24. | Đánh giá nguồn nhân lực chăm sóc người tâm thần trong các cơ sở thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội   | 1 | Tác giả chính | Tạp chí khoa học xã hội và nhân văn - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Đại học Quốc gia Hà Nội.<br>ISSN 2354-1172 |  |   | Vol 5(6)<br>Trang<br>738-749  | 2019 |
| 25. | Social Work Services for Children with Autism and Their Families in VietNam                                 | 1 | Tác giả chính | Asian Social Work journal<br>ISSN: 0128-1577   |  |   | Vol 5(1),<br>Page<br>12 - 17  | 2020 |
| 26. | Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam trong việc phát triển dịch vụ CTXH hỗ trợ trẻ tự kỷ và gia đình | 2 | Tác giả chính | Tạp chí giáo dục số 473<br>ISSN: 0866 7476   |  |   | Số 473(1)<br>Trang<br>53 – 59 | 2020 |
| 27. | Những khó khăn của người nghiện ma túy khi điều trị nghiện trong bối cảnh dịch bệnh Covid 19                | 4 | Tác giả chính | Tạp chí Tâm lý học xã hội.<br>ISSN: 0866-8019  |  |   | Số 7<br>Trang<br>67 - 76      | 2020 |
| 28. | The current situation of social work activities in Hospitals in Vietnam                                     | 2 | Tác giả chính | International Journal of Current Science Research and Review   |  |   | Vol 5(1)<br>Page<br>26-35     | 2021 |
| 29. | Status of drug addicts in the context of covid-19 in Viet Nam: Roles of social support worker               | 3 | Tác giả chính | International Journal of Humanities and Social Science<br>ISSN: 2394 - 2703  |  |   | Vol 8(4)<br>Page<br>36 – 41   | 2021 |

|     |  |   |               |   |  |  |                                  |      |
|-----|--|---|---------------|---|--|--|----------------------------------|------|
| 30. | Đánh giá về đào tạo công tác xã hội tại Việt Nam và một số khuyến nghị   | 1 | Tác giả chính | Tạp chí khoa học đại học Thủ Dầu Một<br>ISSN: 1859-4433   |  |  | Số 4(53)<br>Trang<br>30 – 42     | 2021 |
| 31. | Đào tạo nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp trong bệnh viện - Kinh nghiệm trên thế giới và bàn luận trong bối cảnh của Việt Nam. | 1 | Tác giả chính | Hội thảo: Dịch vụ CTXH trong bệnh viện – Trường đại học LĐ-XH. NXB Tài chính<br>ISBN: 978 – 804 – 2938 – 2                    |  |  | Trang<br>36 - 45                 | 2021 |
| 32. | Nghiên cứu định tính trong công tác xã hội và phần mềm Nvivo   | 1 | Tác giả chính | Kỷ yếu hội thảo Khoa học - Trường Đại học LDXH<br>ISBN: 978-604-308-728-4   |  |  | Trang<br>22 – 29                 | 2021 |
| 33. | Nghiên cứu nguồn nhân lực công tác xã hội tại Việt Nam giai đoạn 2010-2020   | 1 | Tác giả chính | Tạp chí Nguồn nhân lực và an sinh xã hội<br>Số 2- tháng 1/2022<br>ISSN: 2815-5610   |  |  | Số 2(1)<br>Trang<br>53 – 60      | 2022 |
| 34. | Current Situation of Staff Providing Social Work Services to Children with Autism Spectrum Disorder in Vietnam                       | 3 |               | Asian Social work journal.<br>ISSN: 0128-1577   |  |  | Vol 7(5)<br>Page: 1 - 7          | 2022 |
| 35. | The problem of drug addiction in Vietnam – Implication for the role of social support workers  | 2 | Tác giả chính | International Journal of Current Science Research and Review<br>ISBN: 2581 – 8341   |  |  | Vol 5(5),<br>Page<br>1429 - 1434 | 2022 |
| 36. | Một số khó khăn ảnh hưởng đến hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên công tác xã hội   | 1 | Tác giả chính | Tạp chí Nguồn nhân lực và an sinh xã hội<br>Số 4- tháng 3/2022  |  |  | Số 4(3)<br>Trang<br>13 – 20      | 2022 |
| 37. | Những thách thức về đạo đức đối với nhân viên CTXH trong bối cảnh Covid 19   | 1 | Tác giả chính | Hội thảo khoa học: CTXH trong ứng phó với dịch bệnh – Trường đại học Lao động Xã hội NXB Tài chính<br>ISBN: 978-604-79-3403-4 |  |  | Trang<br>1 - 12                  | 2022 |

|     |  |   |               |   |  |  |                                       |      |
|-----|--|---|---------------|---|--|--|---------------------------------------|------|
| 38. | Nhu cầu đào tạo sau đại học trong lĩnh vực An sinh xã hội  | 2 | Tác giả chính | Tạp chí Nguồn nhân lực và an sinh xã hội<br>ISSN: 2815-5610   |  |  | Số 6(5)<br>Trang<br>41 – 49           | 2022 |
| 39. | Khả năng phát triển dịch vụ công tác xã hội với trẻ em rối loạn phổ tự kỷ ở Việt Nam   | 2 | Tác giả chính | Tạp chí Nguồn nhân lực và an sinh xã hội<br>ISSN: 2815-5610   |  |  | Số 12<br>Trang<br>47 – 53             | 2022 |
| 40. | Hoạt động vận động, kết nối nguồn lực hỗ trợ người khuyết tật – Tiếp cận dưới góc độ công tác xã hội: Nghiên cứu tại thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ | 2 | Tác giả chính | Tạp chí khoa học Học viện Phụ nữ Việt Nam<br>ISSN: 2615-9007  |  |  | Số 24(4),<br>Trang<br>2 – 10          | 2023 |
| 41. | Hoạt động công tác xã hội tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi   | 2 | Tác giả chính | Tạp chí Giáo dục và Xã hội<br>ISSN 1859-3917  |  |  | Số 146<br>(207)<br>Trang<br>206 - 210 | 2023 |
| 42. | Lý luận và thực tiễn trong đào tạo nguồn nhân lực Công tác xã hội tại Việt Nam   | 1 | Tác giả chính | Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế. Hoàn thiện khung pháp lý phát triển Công tác xã hội tại Việt Nam.<br>NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội<br>ISBN: 978-604-396-850-7 |  |  | Trang<br>357 – 368                    | 2023 |
| 43. | Situation of child mental health in Vietnam and proposed solutions   | 3 | Tác giả chính | International Journal of Multidisciplinary Research and Growth Evaluation   |  |  | Vol 4(6),<br>Page<br>9 – 14           | 2023 |
| 44. | Hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ tâm lý cho cha mẹ có con khuyết tật – nghiên cứu tại xã cần kiệm, huyện thạch thất, thành phố Hà Nội.                           | 2 | Tác giả chính | Kỷ yếu hội thảo: Tham vấn tâm lý với vấn đề sức khỏe tâm thần – Trường đại học Lao động Xã hội. NXB tài chính   |  |  | Trang<br>9 - 18                       | 2023 |

|     |   |   |               |  |  |  |                               |      |
|-----|---|---|---------------|--|--|--|-------------------------------|------|
|     |   |   |               | ISBN: 978-604-79-3403-4  |  |  |                               |      |
| 45. | Children with Mental Illness and Their Families: Problems and Implications for Social Work                                      | 2 | Tác giả chính | VNU Journal of Social Sciences and Humanities<br>ISSN: 0866-8612   |  |  | Vol 9(5)<br>Page<br>558 – 570 | 2023 |
| 46. | Triển khai hiệu quả hoạt động CTXH trường học – Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam                                     | 1 | Tác giả chính | Kỷ yếu hội thảo Quốc tế: Tâm lý học, giáo dục học trong bối cảnh biến đổi xã hội<br>NXB Dân trí<br>ISBN: 978-604-88-7128-4 |  |  | Trang<br>807 – 813            | 2023 |
| 47. | Những rào cản trong tiếp cận dịch vụ xã hội ở cộng đồng của người cao tuổi  | 2 | Tác giả chính | Tạp chí Nguồn nhân lực và an sinh xã hội<br>ISSN 2815 - 5610   |  |  | Số 16(3)<br>Trang<br>12 – 22  | 2023 |
| 48. | Hoạt động kết nối nguồn lực trong việc hỗ trợ phụ nữ đơn thân tại xã Mai Lâm, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội                  | 2 | Tác giả chính | Tạp chí Nguồn nhân lực và an sinh xã hội<br>ISSN 2815 - 5610   |  |  | Số 18(5)<br>Trang<br>19 – 28  | 2023 |
| 49. | Communication activities in supporting PWDs in Thanh Son town, Phu Tho, Vietnam – Approach from the perspective of social work. | 1 | Tác giả chính | International Journal of Multidisciplinary Research and Growth Evaluation<br>ISSN (online): 2582-7138                      |  |  | Vol 4(2)<br>Page<br>567 - 571 | 2023 |
| 50. | Mobilizing resources activity to support PWDs - Social work-oriented approach   | 3 | Tác giả chính | International Journal of Social Science Exceptional Research<br>ISSN (online): 2583-8261                                   |  |  | Vol 2(5),<br>Page<br>34 - 38  | 2023 |
| 51. | Mối quan hệ giữa Công tác xã hội và Công đoàn: Lịch sử xung đột và hợp tác  | 1 | Tác giả chính | Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế với chủ đề: CTXH với người lao động khu Công   |  |  | Trang<br>662 – 670            | 2023 |



|   |  |   |               |  |                  |  |                               |      |
|---|--|---|---------------|--|------------------|--|-------------------------------|------|
|   |  |   |               | ngiệp, khu Chế xuất trong bối cảnh hội nhập Quốc tế. NXB đại học kinh tế quốc dân<br>ISBN: 978 – 604 – 330 – 927 – 0   |                  |  |                               |      |
| 52.   | Lý thuyết mô hình can thiệp khủng hoảng trong hỗ trợ gia đình trẻ tự kỷ  | 2 |               | Tạp chí Nguồn nhân lực và an sinh xã hội<br>ISSN: 2815-5610  |                  |  | Số 22(9)<br>Trang<br>30 – 34  | 2023 |
| 53.   | Những khó khăn của Nhân viên Công tác xã hội trong việc quản lý ca với người tâm thần tại một số cơ sở Bảo trợ xã hội tại Hà Nội | 1 | Tác giả chính | Kỷ yếu Hội thảo ĐH Công Đoàn Phát triển Công tác xã hội với người lao động tại Việt Nam: Tiên phong trong chính sách An sinh xã hội và việc làm. NXB ĐH Quốc Gia Hà Nội<br>ISBN: 978-604-946-719-6 |                  |  | Trang<br>536 – 547            | 2024 |
| 54.   | Quản lý ca với người tâm thần - khó khăn, nguyên nhân và giải pháp khắc phục của nhân viên công tác xã hội                       | 2 | Tác giả chính | Tạp chí Nguồn nhân lực và an sinh xã hội.<br>ISSN: 2815-5610   |                  |  | Số 27 (2)<br>Trang<br>7 - 13  | 2024 |
| 55.   | Social Work Services – An Effective Intervention in Dealing with Problems of Families having Children with Autism                | 2 | Tác giả chính | International Journal of Religion.<br>ISSN: 2633-3538  | <b>Scopus Q3</b> |  | Vol 5(7)<br>Page<br>829 -838  | 2024 |
| <a href="https://ijor.co.uk/ijor/article/view/4417">https://ijor.co.uk/ijor/article/view/4417</a> |  |   |               |  |                  |  |                               |      |
| 56.   | Enhancing Efficiency, Improving Care: Exploring Patient Opinions on Hospital Social Work   | 3 | Tác giả chính | International Journal of Religion.<br>ISSN: 2633-3538  | <b>Scopus Q3</b> |  | Vol 5(6)<br>Page<br>161 – 171 | 2024 |
| <a href="https://ijor.co.uk/ijor/article/view/3985">https://ijor.co.uk/ijor/article/view/3985</a> |  |   |               |  |                  |  |                               |      |

|     |   |   |               |   |           |  |                        |      |
|-----|---|---|---------------|---|-----------|--|------------------------|------|
| 57. | Enhancing participant satisfaction in educational programs for poverty reduction: Insights from a regional study in Vietnam | 2 | Tác giả chính | Multidisciplinary Science Journal. ISSN 2675-1240 | Scopus Q4 |  | Vol 6 (11)<br>Page 1-8 | 2024 |
|-----|---|---|---------------|---|-----------|--|------------------------|------|

[View of Enhancing participant satisfaction in educational programs for poverty reduction: Insights from a regional study in Vietnam | Multidisciplinary Science Journal \(malque.pub\)](#)

|     |   |   |                 |   |                        |  |                           |      |
|-----|---|---|-----------------|---|------------------------|--|---------------------------|------|
| 58. | Evaluating Patient Utilization and Satisfaction of Social Work Services in a Hospital Setting | 3 | Tác giả liên hệ | ASEAN Journal of Psychiatry. ISSN 2231-7791 | Thuộc nhóm tạp chí ISI |  | Vol 25 (3)<br>Page 1 - 10 | 2024 |
|-----|---|---|-----------------|---|------------------------|--|---------------------------|------|

<https://www.aseanjournalofpsychiatry.org/abstract/evaluating-patient-utilization-and-satisfaction-of-social-work-services-in-a-hospital-setting-106097.html>

|     |  |   |                 |   |           |  |                        |      |
|-----|--|---|-----------------|---|-----------|--|------------------------|------|
| 59. | Evaluating the roles of social workers and medical staff in patient support activities: A comparative analysis of satisfaction levels. | 3 | Tác giả liên hệ | Multidisciplinary Science Journal. ISSN 2675-1240 | Scopus Q4 |  | Vol 7 (9)<br>Page 1-11 | 2024 |
|-----|--|---|-----------------|---|-----------|--|------------------------|------|

[View of Evaluating the roles of social workers and medical staff in patient support activities: A comparative analysis of satisfaction levels | Multidisciplinary Reviews \(malque.pub\)](#)

Tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 05

**Lưu ý:** Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

### 7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT  | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/ đồng tác giả | Số tác giả |
|-----|--|-----------------|--------------------|-----------------------------|------------|
| 1   |  |                 |                    |                             |            |
| 2   |  |                 |                    |                             |            |
| ... |  |                 |                    |                             |            |

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: .....

### 7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

| TT  | Tên giải thưởng | Cơ quan/tổ chức ra quyết định | Số quyết định và ngày, tháng, năm | Số tác giả |
|-----|-----------------|-------------------------------|-----------------------------------|------------|
| 1   |                 |                               |                                   |            |
| 2   |                 |                               |                                   |            |
| ... |                 |                               |                                   |            |

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:.....

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

| TT | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|----|-------------------------------------|---------------------------|--|----------------------|------------|
| 1  |                                     |                           |  |                      |            |
| 2  |                                     |                           |  |                      |            |

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:.....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế

| TT | Tên chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học (bao gồm xây dựng, thiết kế chương trình mới và sửa đổi, bổ sung) | Trách nhiệm (chủ trì/tham gia) | Văn bản thẩm định để đưa vào sử dụng (văn bản, số, ngày, tháng, năm) |
|----|---|--------------------------------|--|
| 1  | Công tác xã hội trong lĩnh vực nông thôn miền núi   | Chủ trì/Trưởng nhóm            | Quyết định nghiệm thu số 3374/QĐ-ĐHLĐXH ngày 23 tháng 12 năm 2020    |
| 2  | Quản trị cơ sở trợ giúp xã hội  | Chủ trì/Trưởng nhóm            | Quyết định nghiệm thu số 3376/QĐ-ĐHLĐXH ngày 23 tháng 12 năm 2020    |
| 3  | Chương trình Cử nhân Công tác xã hội  | Tham gia                       | Quyết định nghiệm thu số 1759/QĐ-ĐHLĐXH ngày 13 tháng 10 năm 2021    |
| 4  | Chương trình Thạc sĩ Công tác xã hội  | Tham gia                       | Quyết định nghiệm thu số 436/QĐ-ĐHLĐXH ngày 03 tháng 02 năm 2021     |

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: ....

+ Đã hướng dẫn chính  01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị  thiếu: -

Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: ....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH  ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

(\* Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH:** Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 9 tháng 6 năm 2024

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**



**Nguyễn Trung Hải**